

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Sĩ số: 45 Nam:27 Nữ:18

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	KHỐI	GHI CHÚ NGOẠI NGỮ
1	10A5	Đặng Thùy An	14/09/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
2	10A5	Nguyễn Ngọc Liên An	03/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
3	10A5	Đoàn Thị Lan Anh	24/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
4	10A5	Nguyễn Minh Anh	18/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
5	10A5	Nguyễn Thùy Anh	17/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
6	10A5	Hồ Viết Bách	06/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Pháp-CB
7	10A5	Võ Ngọc Bảo	23/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
8	10A5	Nông Bội Bội	20/09/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
9	10A5	Phan Minh Dũng	07/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
10	10A5	Hồ Nguyễn Đức	03/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
11	10A5	Lê Minh Hải	03/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
12	10A5	Lại Hoàng Phương Hạnh	03/04/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
13	10A5	Sầm Gia Hân	27/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
14	10A5	Thân Mai Hân	02/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
15	10A5	Phạm Văn Quang Huy	20/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
16	10A5	Vũ Viết Hữu	21/01/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Pháp-CB
17	10A5	Nguyễn Tuấn Kỳ	20/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
18	10A5	Huỳnh Lê Duy Khánh	27/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
19	10A5	Trần Ngọc Đăng Khoa	02/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
20	10A5	Nguyễn Bùi Thùy Linh	28/09/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
21	10A5	Lê Minh Quan Lộc	16/09/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
22	10A5	Lưu Đức Minh	11/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
23	10A11	Ngô Nhật Minh	14/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
24	10A5	Phạm Đông Nghi	04/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
25	10A5	Nguyễn Hoàng Yến Ngọc	30/07/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
26	10A5	Bạch Giang Nguyên	10/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
27	10A5	Lê Đình Nguyên	30/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
28	10	Đoàn Hải Phong	12/11/2004	Nam	A1(Toán-Lý-Anh)	
29	10A10	Cao Trọng Phước	17/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
30	10A5	Dương Mai Phương	19/08/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
31	10A5	Lê Nguyên Phương	03/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
32	10A5	Ngô Hồng Quang	01/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
33	10A5	Huỳnh Minh Quân	18/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
34	10A5	Lê Nhật Quân	15/01/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
35	10A5	Lê Thái Sang	05/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
36	10A5	Nguyễn Khuê Tú	27/03/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
37	10A5	Nguyễn Minh Tuấn	03/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
38	10A5	Mai Phạm Thế Thanh	13/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Pháp-CB
39	10A5	Nguyễn Thị Phương Thanh	01/07/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
40	10A14	Đặng Phương Thảo	29/03/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
41	10A11	Nguyễn Thiện Thanh Thảo	21/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
42	10A5	Nguyễn Quang Thắng	25/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
43	10A5	Giảng Cẩm Thư	22/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Pháp-CB
44	10A5	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	21/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
45	10A5	Phan Đặng Nhật Trường	26/04/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	

Số: 46 Nam:25 Nữ:21

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	KHỐI	GHI CHÚ NGOẠI NGỮ
1	10A6	Nguyễn Hà Quốc Anh	12/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
2	10A6	Cao Nguyễn Lan	27/12/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
3	10A6	Đinh Nhật	30/10/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
4	10A6	Đoàn Thị Mỹ	28/05/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
5	10A6	Nguyễn Thị Mai	04/12/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
6	10A6	Ngô Quang	12/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
7	10A6	Nguyễn Thái	11/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
8	10A6	Nguyễn Ngọc Thái	02/07/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
9	10A6	Đinh Thị Thanh	07/12/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
10	10A6	Nguyễn Đỗ Hoàng	02/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
11	10A6	Ngô Hoàng Khánh	29/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
12	10A6	Dương Nguyễn Thúy	22/10/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
13	10A6	Lý Ngọc	19/12/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
14	10A6	Trần Ngọc Gia	05/03/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
15	10A6	Hứa Nguyễn Minh	09/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
16	10A6	Lê Minh	30/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
17	10A6	Phạm	02/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
18	10A6	Nguyễn Hiếu	26/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
19	10A6	Trịnh Lê Minh	29/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
20	10A6	Lâm Vĩnh	05/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
21	10A6	Phạm Đỗ Duy	05/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
22	10A6	Thái Thùy	01/12/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
23	10A6	Vũ Minh	04/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
24	10A6	Nguyễn Hoàng	15/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
25	10A6	Phạm Ngọc Cát	10/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
26	10A6	Nguyễn Nam	02/09/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
27	10A6	Phạm Lâm Anh	20/09/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
28	10A6	Nguyễn Thị Hồng	28/03/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
29	10A6	Nguyễn Hoàng Bảo	02/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
30	10A6	Nguyễn Yến	11/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
31	10A6	Trần Ý	03/12/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
32	10A6	Nguyễn Trường	17/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
33	10A6	Phan Nguyễn Đăng	19/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
34	10A6	Trần Thái Thanh	08/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Pháp-CB
35	10A6	Nguyễn Đình	16/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
36	10A6	Dương Hoàng Minh	10/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
37	10A6	Nguyễn Công	31/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
38	10A6	Nhâm Nhật	27/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
39	10A6	Nguyễn Hoàng Thanh	22/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
40	10A6	Nguyễn Phước Minh	29/05/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
41	10A6	Nguyễn Kim Trường	07/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
42	10A6	Trần Văn Tấn	16/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
43	10A6	Nguyễn Minh	29/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
44	10A6	Nguyễn Ngọc Bảo	22/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
45	10A6	Phạm Mạnh	01/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA
46	10A6	Thái Nguyễn Phương	20/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	

STT	LỚP	HỌ TÊN
1	10A7	Hoàng Văn
2	10A7	Phạm Văn
3	10A7	Lê Bảo

STT	LỚP 19-20	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	KHỐI	GHI CHÚ NGOẠI NGỮ
1	10A7	Hoàng Lê Nhật	Anh	12/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
2	10A7	Phạm Hoàng Minh	Anh	26/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
3	10A7	Lê Bảo	Châu	17/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
4	10A7	Nguyễn Huy Bình	Dương	14/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
5	10A7	Nguyễn Võ Linh	Đan	05/09/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
6	10A7	Nguyễn Tuấn Mạnh	Đức	22/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
7	10A7	Nguyễn Việt	Đức	23/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
8	10A7	Nguyễn Ngọc Thanh	Hiền	24/09/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
9	10A7	Đặng Kim	Hoàng	03/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
10	10A7	Phạm Minh	Hoàng	14/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
11	10A7	Lê Nam	Huân	06/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
12	10A7	Nguyễn Văn Gia	Huy	18/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
13	10A7	Trần Đình	Huy	16/12/2003	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
14	10A7	Phạm Lê	Hữu	22/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
15	10A7	Đặng Tấn	Kiệt	13/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
16	10A7	Phạm Anh	Kiệt	16/04/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
17	10A7	Thái Nguyễn Thiên	Kim	25/08/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
18	10A7	Nguyễn Cửu	Kha	05/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
19	10	Lại Minh	Khang	09/07/2004	Nam	A1(Toán-Lý-Anh)	
20	10A7	Phạm Tuấn	Khanh	23/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
21	10A7	Phan Anh	Khoa	18/01/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
22	10A7	Nguyễn Đình	Khôi	20/04/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
23	10A7	Trương Minh	Khôi	05/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
24	10A7	Đỗ Trần Hạnh	Ly	10/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
25	10A7	Nguyễn Phương	My	31/05/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
26	10A7	Bùi Ngọc Phương	Nghi	16/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
27	10A7	Trần Nhật	Nguyễn	15/09/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
28	10A7	Nguyễn Hoàng	Nhân	10/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
29	10A7	Nguyễn Thành	Nhân	30/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
30	10A7	Lương Minh	Nhật	06/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
31	10A7	Phạm Thị Thu	Nhi	11/05/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
32	10A7	Đào Yến	Như	24/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
33	10A7	Vy Thị Quỳnh	Như	01/02/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
34	10A7	Nguyễn Thành	Phát	23/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
35	10A7	Trần Ngọc Thu	Phương	06/10/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
36	10A7	Lâm Võ Minh	Tuấn	02/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
37	10A7	Đặng Ngọc Minh	Thư	29/03/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
38	10A7	Hoàng Minh	Thư	06/04/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
39	10A7	Quản Thị Minh	Thư	29/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
40	10A7	Phạm Minh	Trí	28/01/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
41	10A7	Bùi Hoàng	Uyên	11/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
42	10A7	Đặng Thụy Thùy	Vân	06/05/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
43	10A7	Trần Phi	Vân	05/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
44	10A7	Nguyễn Ái	Vy	09/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
45	10A7	Trần Vũ Xuân	Vy	02/07/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	TCTA

Sĩ số: 46 Nam:31 Nữ:15

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	KHÔI	GHI CHÚ NGOẠI NGỮ
1	10A8	Lê Tuấn Anh	07/04/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
2	10A8	Lê Tuệ Anh	28/04/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
3	10A8	Nguyễn Thái Thiên Bảo	26/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
4	10A8	Đặng Trịnh Anh Duy	11/01/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
5	10A8	Lê Hoàng Duy	14/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
6	10A8	Nguyễn Cao Hoài Duyên	14/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
7	10A8	Nguyễn Ngọc Thùy Duyên	07/05/2003	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
8	10A8	Nguyễn Nam Đức	01/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Pháp-CB
9	10A8	Nguyễn Nhung Gấm	02/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
10	10A8	Phạm Thu Hà	07/02/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
11	10A8	Đoàn Nguyễn Xuân Hải	07/09/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
12	10A8	Mai Ngọc Kiến Hào	06/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
13	10A8	Trần Thanh Hằng	23/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
14	10A8	Lê Trung Hiếu	13/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
15	10A8	Bùi Quang Huy	04/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
16	10A8	Lê Nhật Huy	21/09/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	Nhật-CB
17	10A8	Đỗ Trung Kiên	19/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
18	10A8	Nghiêm Duy Khang	02/04/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
19	10A8	Phạm Nguyễn Minh Khang	20/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
20	10A8	Trương Phạm Kim Khoa	30/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
21	10A8	Văn Khoa	09/01/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
22	10A8	Phan Hoàng Minh Khôi	24/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
23	10A8	Trần Minh Khôi	25/04/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
24	10A8	Phạm Bảo Long	08/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
25	10A2	Trần Hoàng Long	11/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
26	10A8	Nguyễn Hoàng Mai	06/07/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
27	10A8	Đào Ngọc Minh	03/04/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
28	10A8	Dương Hải Nam	10/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
29	10A8	Trương Khải Nguyên	02/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
30	10A8	Trần Phạm Quỳnh Như	20/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
31	10A8	Lê Minh Phúc	26/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
32	10A8	Trịnh Phạm Minh Phương	23/09/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
33	10A8	Lê Nguyễn Minh Quân	31/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
34	10A8	Lương Minh Quân	01/01/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
35	10A8	Phạm Hồng Diễm Quyên	13/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
36	10A8	Võ Nguyễn Thiên Tân	11/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
37	10A2	Đoàn Quốc Thắng	25/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
38	10A8	Bùi Đức Thiện	05/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
39	10A8	Lê Quang Thông	06/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
40	10A8	Nguyễn Trần Anh Thư	09/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
41	10A8	Bùi Phúc Mai Thy	24/02/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
42	10A8	Vũ Ngọc Bảo Trân	27/02/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
43	10A8	Hoàng Đức Trọng	30/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
44	10A8	Nguyễn Trần Thanh Trúc	14/04/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
45	10A8	Đinh Quang Trường	27/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
46	10A8	Lâm Quốc Việt	03/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	

Số: 46 Nam: 26 Nữ: 20

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	KHỐI	GHI CHÚ NGOẠI NGỮ
1	10A9	Nguyễn Lê Hữu An	04/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
2	10A9	Nguyễn Phúc Bảo	29/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
3	10A9	Nguyễn Trí Dũng	12/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
4	10A9	Hà Kỳ Duyên	24/04/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
5	10A9	Quách Mai Tiến Đạt	01/04/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
6	10A9	Trần Công Minh Đức	16/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
7	10A2	Dương Trung Hải	15/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
8	10A9	Nguyễn Bá Hải	10/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
9	10A9	Đinh Thị Kim Hạnh	26/10/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
10	10A9	Nguyễn Minh Hào	01/01/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
11	10A2	Tạ Mạnh Hùng	06/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
12	10A9	Trương Ngọc Hương	31/08/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
13	10A9	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	19/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
14	10A2	Nguyễn Ích Kiệt	14/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
15	10A2	Đặng Minh Khang	29/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
16	10A9	Nguyễn Văn Khiêm	12/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
17	10A9	Nguyễn Anh Khoa	16/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
18	10A9	Lê Trần Gia Linh	11/08/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
19	10A9	Trần Phi Long	15/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
20	10A9	Dương Quang Lộc	09/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
21	10A9	Phan Văn Duy Lương	07/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
22	10A9	Vương Quý Mẫn	07/08/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
23	10A9	Bùi Duy Minh	16/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
24	10A9	Nguyễn Nữ Như Ngọc	05/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
25	10A9	Nguyễn Thảo Ngọc	29/10/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
26	10	Trần Thị Minh Ngọc	28/07/2004	Nữ	A1(Toán-Lý-Anh)	
27	10A9	Hoàng Hải Phong	10/09/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
28	10A9	Nguyễn Minh Phúc	13/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
29	10A9	Nguyễn Phước Hồng Phúc	11/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
30	10A9	Nguyễn Ngọc Uyên Phương	18/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
31	10A9	Tổng Thị Thu Phương	18/03/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
32	10A9	Thái Phạm Bảo Phương	03/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
33	10A9	Lê Chánh Anh Quân	09/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
34	10A9	Nguyễn Thị Quỳnh	09/03/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
35	10A9	Đỗ Xuân Tinh	21/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
36	10A9	Nguyễn Tiến Toàn	26/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
37	10A9	Nguyễn Ngọc Lam Thanh	27/12/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
38	10A9	Nguyễn Trần Đan Thanh	01/02/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
39	10A9	Bùi Huy Thanh Thảo	10/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
40	10A9	Ngô Đình Minh Thuận	12/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
41	10	Võ Ngọc Anh Thư	17/11/2003	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
42	10A9	Nguyễn Thị Hoài Thương	09/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
43	10A9	Nguyễn Thảo Trang	19/04/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
44	10A9	Vũ Ngọc Thu Trâm	04/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	
45	10A9	Lê Thành Trung	02/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	
46	10A9	Trần Vũ Tường Vân	10/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	KHỐI	GHI CHÚ NGOẠI NGỮ
1	10	Lê Hoàng Linh	An	01/10/2004	Nữ	D(Toán-Văn-Anh)	
2	10A10	Phan Thùy Thái	An	01/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
3	10	Nguyễn Hoàng Lan	Anh	13/09/2004	Nữ	D(Toán-Văn-Anh)	
4	10A10	Quách Tuấn	Anh	07/08/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
5	10A10	Nguyễn Thiên	Ấn	04/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Pháp-CB
6	10A10	Nguyễn Thái Hạnh	Chi	05/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Pháp-CB
7	10A10	Nguyễn Huỳnh Mạnh	Duy	05/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
8	10A10	Phạm Ngọc	Đan	22/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
9	10A10	Phạm Đình	Đông	22/05/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
10	10A10	Ngô Gia	Hân	26/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Pháp-CB
11	10	Nguyễn Xuân	Huy	02/04/2004	Nam	D(Toán-Văn-Anh)	
12	10A10	Trần Ngọc	Hung	03/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
13	10A10	Phan Minh	Hương	21/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
14	10A10	Trần Thị Thu	Hương	21/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
15	10A10	Trương Tuấn	Kiệt	22/03/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
16	10A10	Nguyễn Thanh Ngọc	Kim	30/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
17	10A9	Lê Gia Bảo	Khánh	02/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
18	10A10	Diêu Hà	Khiêm	14/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	Pháp-CB
19	10A10	Nguyễn Bùi Phương	Linh	03/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
20	10A5	Nguyễn Dương Ánh	Linh	03/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Pháp-CB
21	10A5	Nguyễn Phương	Linh	08/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
22	10A10	Tổng Khánh	Linh	14/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
23	10A10	Lê Thị Kim	Ngân	06/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Pháp-CB
24	10A10	Nguyễn Thị Kim	Ngân	28/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
25	10A10	Lâm Gia	Nghi	20/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
26	10A10	Omote Minh	Ngọc	17/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
27	10A10	Trần Lê Hồng	Ngọc	14/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
28	10A10	Võ Thị Kim	Ngọc	07/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Pháp-CB
29	10A10	Trần Nhật Yên	Nhi	27/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
30	10A10	Trần Nguyễn Hạnh	Như	19/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
31	10A5	Nguyễn Võ Thiên	Phúc	11/04/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
32	10A10	Bùi Ngọc	Quỳnh	09/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
33	10A10	Đỗ Mạnh	Tiến	24/12/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
34	10A10	Phạm Hà Thế	Thanh	28/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
35	10A10	Nguyễn Trường	Thạnh	18/03/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
36	10A10	Đinh Kim	Thảo	21/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
37	10A10	Nguyễn Hồ Bảo	Thiên	22/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
38	10A10	Lã Anh	Thư	25/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
39	10A10	Lã Thanh Minh	Thư	12/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
40	10A10	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	04/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
41	10A10	Nguyễn Thị Minh	Thư	09/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
42	10A10	Phạm Trần Anh	Thư	11/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
43	10	Lê Ngọc Bảo	Trân	31/08/2004	Nữ	D(Toán-Văn-Anh)	
44	10A10	Nguyễn Cao Thanh	Trúc	20/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Pháp-CB
45	10	Nguyễn Phạm Hoàng	Việt	28/04/2004	Nam	D(Toán-Văn-Anh)	
46	10A10	Nguyễn Lê Minh	Vy	10/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
47	10A10	Nguyễn Thảo	Vy	09/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA

Sĩ số: 47 Nam:9 Nữ:38

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	KHỐI	GHI CHÚ NGOẠI NGỮ
1	10A11	Lê Phan Hoài An	24/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
2	10A11	Nguyễn Hải Tâm	08/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
3	10A11	Võ Hoàng Thúy	03/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
4	10	Lưu Phúc	07/10/2004	Nam	D(Toán-Văn-Anh)	
5	10A11	Nguyễn Cao Nguyên	10/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
6	10A11	Nguyễn Thị Tú	14/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
7	10A11	Nguyễn Thiện Văn	17/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
8	10	Phan Diễm Quỳnh	14/10/2004	Nữ	D(Toán-Văn-Anh)	
9	10A11	Vũ Minh	05/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
10	10A11	Đinh Hoàng Thiên	22/04/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
11	10A11	Nguyễn Đình	15/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
12	10A11	Lê Thị Bạch	26/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
13	10A11	Trần Thụy Minh	11/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
14	10A11	Võ Thành	01/09/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
15	10A11	Hồ Hoàng Ngọc	15/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
16	10A11	Hà Tấn	27/05/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
17	10A11	Nguyễn Ngọc Phương	13/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
18	10A11	Vũ Đình	17/05/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
19	10A11	Tăng Huỳnh Hữu	07/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
20	10A11	Phạm Đình	30/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
21	10A11	Đào Kim	21/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
22	10	Mai Nguyễn Diệu	21/12/2004	Nữ	D(Toán-Văn-Anh)	
23	10A11	Nguyễn Thị Hoàng	19/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
24	10A11	Lê Nguyễn Bảo	21/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
25	10A11	Phạm Mai	01/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
26	10A11	Hồ Yến	07/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
27	10A11	Ngô Thanh Yến	03/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
28	10A11	Nguyễn Ngọc Thảo	16/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
29	10A11	Vũ Ngọc Yến	30/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
30	10A11	Nguyễn Phương	18/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
31	10A11	Nguyễn Quỳnh	18/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
32	10A11	Nguyễn Thị Quỳnh	30/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
33	10A11	Nguyễn Huy Ngọc	02/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
34	10A11	Nguyễn Trần Thủy	30/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
35	10A11	Nguyễn Hoàng Phương	28/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
36	10A11	Trương Mai Phương	30/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
37	10	Huỳnh Thị Thanh	16/04/2004	Nữ	D(Toán-Văn-Anh)	
38	10	Đỗ Minh	27/07/2004	Nữ	D(Toán-Văn-Anh)	
39	10A11	Nguyễn Ngọc Minh	17/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
40	10A11	Nguyễn Vũ Anh	31/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
41	10A11	Nguyễn Thị Thùy	04/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
42	10A11	Lê Huỳnh Quế	11/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
43	10A11	Trần Xuân	29/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
44	10A11	Võ Hà	26/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
45	10A11	Nguyễn Ngọc Thảo	06/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
46	10A11	Đặng Ngọc Tường	24/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
47	10A11	Nguyễn Huỳnh Thảo	31/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	

Sĩ số: 46 Nam:7 Nữ:39

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	KHỐI	GHI CHÚ NGOẠI NGỮ
1	10A12	Võ HuyNh Nam	An	06/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
2	10A12	Cam Thị Trúc	Anh	28/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
3	10A12	Kien Minh	Anh	01/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
4	10A12	Lê Thị Trâm	Anh	07/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
5	10A12	Trần Thị Minh	Anh	04/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
6	10A12	Trần Đình Nhất	Đặng	05/05/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)
7	10A12	Lê Thị Hoàng	Giang	25/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
8	10A12	Nguyễn Lư Hoàn	Hào	23/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
9	10A12	Phạm Thị Bích	Hồng	21/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
10	10A12	Trần Công	Huy	17/03/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)
11	10A12	Nguyễn Phúc	Hưng	20/12/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)
12	10A12	Phạm Thị Lan	Hương	21/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
13	10A12	Trần Nguyễn Tấn	Khang	01/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)
14	10A12	Lê Nguyễn Thục	Khanh	01/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
15	10A12	Nguyễn An	Khanh	18/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
16	10A12	Đỗ Thúy Ngọc	Khuê	07/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
17	10A12	Nguyễn Phan Bảo	Lam	06/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
18	10A12	Trần Đỗ Quỳnh	Linh	08/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
19	10A12	Ngô Đặng Hoàng	Mai	10/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
20	10A12	Nguyễn Minh	Mẫn	05/04/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)
21	10A12	Vương Hoàng Ngọc	Mỹ	11/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
22	10A12	Đinh Phạm Thanh	Ngân	21/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
23	10A12	Hoàng Thanh	Ngân	17/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
24	10A12	Phan Thanh	Ngân	01/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
25	10A12	Lý Gia	Nghi	16/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
26	10A12	Tạ Kim	Ngọc	06/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
27	10A12	Đổng Ngọc Tuyết	Nhung	18/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
28	10A12	Dương Trần Hoàng	Phước	14/02/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)
29	10A12	Nguyễn Ngọc Mai	Phương	03/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
30	10A12	Phạm Ngọc Uyên	Phương	11/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
31	10A12	Võ Nguyễn Nhất	Phương	10/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
32	10A12	Đoàn Hàng Hương	Quỳnh	26/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
33	10A12	Đỗ Hoài Thanh	Quỳnh	07/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
34	10A12	Phạm Thúy	Quỳnh	08/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
35	10A12	Vương Thị Mai	Quỳnh	13/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
36	10	Nguyễn Hà Thiên	Tâm	24/01/2004	Nữ	D(Toán-Văn-Anh)
37	10A12	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	22/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
38	10A12	Nguyễn Huỳnh Kim	Thanh	24/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
39	10A12	Trần Ngọc Tú	Thanh	28/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
40	10A12	Nguyễn Thu	Thảo	27/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
41	10A12	Lê Nhật Minh	Thùy	17/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
42	10A12	Lê Ngọc Anh	Thư	28/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
43	10A12	Nguyễn Kim	Thư	15/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
44	10A12	Trần Ngọc Thanh	Uyên	05/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)
45	10A12	Huỳnh Dũng Xuyên	Việt	28/12/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)
46	10A12	Vu Nguyễn Hoàng	Vy	31/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)

Số: 46 Nam:11 Nữ:35

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	KHỐI	GHI CHÚ NGOẠI NGỮ
1	Vũ Phạm Minh Anh	11/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
2	Ngô Gia Bảo	26/10/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
3	Nguyễn Thiện Chí	30/08/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
4	Phạm Tiến Dũng	24/07/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
5	Nguyễn Thanh Hoàng Duyên	11/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
6	Nguyễn Gia Đại	24/07/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
7	Lê Xuân Đồng	02/11/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
8	Nguyễn Hương Giang	17/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
9	Lý Bảo Hân	06/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Pháp-CB
10	Nguyễn Đoàn Gia Hân	10/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
11	Nguyễn Vi Hân	07/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
12	Đỗ Thị Hoa	23/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
13	Lê Võ Huỳnh Hương	19/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
14	Bùi Vũ Duy Khang	22/06/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
15	Hồ Đặng Tuấn Khoa	16/02/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
16	Nguyễn Trần Anh Khoa	03/02/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
17	Lý Nguyễn Hà Lê	02/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
18	Nguyễn Phùng Phương Linh	11/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
19	Lý Tiểu Mẫn	17/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
20	Đoàn Trần Khánh Minh	15/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
21	Trần Huỳnh Phương Nghi	20/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Pháp-CB
22	Phạm Hồng Bảo Ngọc	24/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
23	Trần Minh Ngọc	22/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
24	Phạm Nguyễn Hạnh Nguyên	17/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
25	Ngô Nhật Thảo Nhi	28/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
26	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	26/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
27	Võ Hoàng Y Phụng	08/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
28	Phan Hồng Phương	31/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
29	Vũ Bá Toàn	22/09/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
30	Nguyễn Thanh Tú	31/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Pháp-CB
31	Trần Thông Tuệ	27/05/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
32	Hoàng Thị Thanh Thảo	16/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Pháp-CB
33	Phạm Đặng Cường Thịnh	01/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
34	Trần Anh Thư	17/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
35	Trần Uyên Thy	05/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
36	Nguyễn Hoàng Linh Trang	16/05/2002	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
37	Tăng Quỳnh Trang	17/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
38	Lương Hải Uyên	04/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
39	Nguyễn Thảo Vân	28/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
40	Bùi Lâm Tường Vy	22/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
41	Hoàng Nguyễn Thảo Vy	21/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
42	Nguyễn Ngọc Tú Vy	07/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	23/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
44	Nguyễn Võ Yên Vy	10/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
45	Nguyễn Ngọc Yên Xuân	26/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
46	Phạm Nguyễn Mỹ Yên	26/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	KHỎI	GHI CHÚ NGOẠI NGỮ
1	10A14	Trần Thanh An	15/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
2	10A14	Đoàn Nguyễn Bảo Anh	27/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
3	10A14	Lê Minh Anh	14/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
4	10A14	Nguyễn Xuân Khuê	07/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
5	10A14	Trần Lê Hải Anh	02/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
6	10A14	Vũ Ngọc Ánh	22/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
7	10A14	Tào Hoài Ân	14/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
8	10A14	Lê Hoàng Linh Đan	08/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
9	10A14	Nguyễn Thị Đông Đào	30/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
10	10A14	Nguyễn Thành Đạt	07/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
11	10A14	Bùi Thanh Giang	09/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
12	10A14	Phạm Thuý Hà	05/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
13	10A14	Nguyễn Ngọc Xuân Hằng	10/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
14	10A14	Nguyễn Hoàng Gia Hân	17/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
15	10A14	Phạm Gia Hân	11/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
16	10A14	Nguyễn Thị Kim Hiếu	08/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
17	10A14	Nguyễn Hoàng	29/10/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
18	10A14	Nguyễn Võ Gia Huy	16/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
19	10A14	Bùi Ngọc Kim Huyền	20/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
20	10A14	Nguyễn Lê The Hy	26/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
21	10A14	Trần Phúc Nguyên Khang	19/12/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
22	10A14	Dương Thị Ngọc Khánh	07/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
23	10A14	Lê Anh Khoa	22/03/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
24	10A14	Phạm Đình Liêm	24/02/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
25	10A14	Đặng Ngọc Ánh Linh	01/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
26	10A14	Nguyễn Diệu Linh	08/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
27	10A14	Trương Nhật Gia Linh	01/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
28	10A14	Nguyễn Phan Trà My	14/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
29	10A14	Nguyễn Phương Nghi	19/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
30	10A14	Nguyễn Phương Nghi	04/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
31	10A14	Nguyễn Bảo Ngọc	29/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
32	10A14	Nguyễn Khánh Ngọc	27/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
33	10A14	Nguyễn Phan Thảo Nguyên	21/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
34	10A14	Trịnh Thảo Nguyên	31/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
35	10A14	Phạm Vũ Đông Như	29/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
36	10A14	Lê Diễm Quỳnh	14/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
37	10A14	Nguyễn Thanh Tuấn	11/04/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
38	10A14	Trần Thị Thanh Tuyền	14/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	TCTA
39	10A14	Nguyễn Thị Thảo	11/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
40	10A14	Bùi Thiện Thanh Trang	22/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
41	10A14	Huỳnh Thanh Trúc	03/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
42	10A14	Nguyễn Nhã Uyên	08/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
43	10A14	Lưu Nguyễn Tường Vy	14/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
44	10A14	Nguyễn Hồng Thảo Vy	06/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
45	10A14	Nguyễn Hiền Xuân	08/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	

Sĩ số: 48 Nam:13 Nữ:35

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	KHỐI	GHI CHÚ NGOẠI NGỮ
1	10A15	Bùi Văn Cường	09/11/2004	Nam	D(Toán, Văn, Nhật)	NNIN
2	10A15	Lê Việt Cường	27/02/2004	Nam	D(Toán, Văn, Nhật)	NNIN
3	10A15	Phạm Thị Mỹ Duyên	06/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Nhật)	NNIN
4	10A15	Nguyễn Trần Minh Hoàng	14/03/2004	Nam	D(Toán, Văn, Nhật)	NNIN
5	10A15	Nguyễn Thái Đăng Khoa	03/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Nhật)	NNIN
6	10A15	Bùi Nguyễn Việt Khuê	20/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Nhật)	NNIN
7	10A15	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	06/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Nhật)	NNIN
8	10A15	Ngô Gia Tín	13/06/2004	Nam	D(Toán, Văn, Nhật)	NNIN
9	10A15	Nguyễn Minh Ngọc	15/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Nhật)	NNIN, Pháp-CB
10	10A15	Lê Phạm Hoàng Thy	09/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Nhật)	NNIN
11	10	Nguyễn Lê Bảo Vy	20/01/2004	Nữ	D(Toán-Văn-Nhật)	NNIN
12	10A15	Trần Ngọc Yến	25/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Nhật)	NNIN
13	10A15	Phạm Trần Bình An	04/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
14	10A15	Vũ Khánh An	11/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
15	10A15	Vũ Quang Bình An	11/07/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
16	10A15	Nguyễn Gia Bảo	01/04/2004	Nam	C(Văn, Sử, Địa)	TCTA
17	10A15	Nguyễn Thanh Dung	28/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
18	10A15	Phan Nguyễn Ngọc Duyên	10/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
19	10A15	Nguyễn Thu Giao	20/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
20	10A15	Ngô Ngọc Thu Hà	08/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
21	10A15	Trịnh Viết Huy	09/07/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
22	10A15	Trần Quỳnh Hương	02/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
23	10A15	Lưu Bảo Khánh	11/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
24	10A15	Trương Ngọc Linh	05/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
25	10A15	Hán Tường Minh	19/12/2003	Nam	C(Văn, Sử, Địa)	
26	10A15	Phan Hạo Nam	01/10/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
27	10A15	Nguyễn Thu Ngân	13/04/2003	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
28	10A15	Hứa Gia Nghi	16/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
29	10A15	Trần Phan Vân Nghi	28/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
30	10A15	Lê Trịnh Bích Ngọc	04/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Pháp-CB
31	10A15	Hà Kim Nguyên	08/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
32	10A15	Huỳnh Phạm Thảo Nguyên	01/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
33	10A15	Nguyễn Cao Trinh Nguyên	23/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
34	10A15	Nguyễn Lê Tuyết Như	21/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
35	10A15	Nguyễn Xuân Như	16/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
36	10A15	Đặng Hoàng Minh Nhựt	05/08/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
37	10A15	Trần Nguyễn Mai Phương	24/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
38	10A15	Nguyễn Hoàng Thảo Quyên	30/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
39	10A15	Hoàng Nguyễn Tịnh Thi	02/08/2004	Nữ	C(Văn, Sử, Địa)	Pháp-CB
40	10A15	Huỳnh Ngọc Khánh Thi	08/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
41	10A15	Nguyễn Thiên Thiên	16/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
42	10A15	Trần Huỳnh Hoa Thiên	25/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
43	10A15	Nguyễn Hồ Gia Thịnh	18/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	
44	10A15	Lê Thị Hoài Thương	15/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
45	10A15	Nguyễn Trần Bảo Trân	28/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	
46	10A15	Đinh Trúc Uyên	01/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB
47	10A15	Huỳnh Thanh Yên Vi	22/10/2004	Nữ	C(Văn, Sử, Địa)	Nhật-CB
48	10A15	Nguyễn Trần Gia Vy	07/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	Nhật-CB